

Bản án số: 30/2018/HSST

Ngày: 08 – 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH TỈNH HÀ TĨNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhung
2. Ông Nguyễn Văn Thiềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thạch, Thư Ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2018/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn T**; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 25 tháng 7 năm 1998, tại xóm 9, , tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Trình độ văn hóa: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Văn C - sinh năm: 1972; Con bà: Dương Thị L - sinh năm: 1976; Vợ con: Chưa; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Vào ngày 02/01/2018 bị cáo có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy đến ngày 30/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh xử phạt 18 tháng tù tại bản án số 13/2018/HSST ngày 30/5/2018; Biện pháp ngăn chặn: Trần Văn T hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nghĩa An, Cam Chính, Cam Lộ, Quảng Trị.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn X**; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 16 tháng 02 năm 1994, tại xóm 10, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm 10, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Trình độ văn hóa: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn H - sinh năm: 1970; Con bà: Lê Thị P - sinh năm: 1974; Vợ con: Chưa; Tiền án, Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 27/5/2016 Nguyễn

Văn X bị Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 10 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại Bản án HSST số 17 ngày 27/5/2016. Ngày 11/02/2017, Nguyễn Văn X chấp hành xong án phạt tù theo Giấy chứng nhận số 142 của Trại giam Xuân Hà- Tổng cục VIII. Nguyễn Văn X đã thi hành xong 200.000 đồng tiền án phí HSST ngày 27/5/2016 ; Nhân thân: Vào ngày 02/01/2018 bị cáo có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy đến ngày 30/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh xử phạt 24 tháng tù tại bản án số 13/2018/HSST ngày 30/5/2018; Biện pháp ngăn chặn: Hiện nay Nguyễn Văn X đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nghĩa An, Cam Chính, Cam Lộ, Quảng Trị.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Người bị hại:

1. Bà Lê Thị B - sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Văn C – sinh năm 1972; Nơi cư trú: Xóm 9, xã T, huyện K (Vắng mặt).

2. Đinh Thị A, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn Z - sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

2. Vũ Thị N – sinh năm 1974; Nơi cư trú: Xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

3. Dương Tấn S – sinh năm 1977; Nơi cư trú: Xóm 10, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng ngày 22/12/2017, khi cả hai đang ở nhà của chị Vũ Thị N (sinh năm 1974, trú tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh), thì Trần Văn T, nảy sinh ý định lừa người khác để lấy thẻ điện thoại bán lấy tiền tiêu xài, nên nói với Nguyễn Văn X “*Tau có cái máy đen trắng không dùng mi mua cái Sim về ta lừa*”, X hiểu được ý của T là mua Sim về lắp vào máy điện thoại để lừa thẻ, nên X đồng ý và T đưa cho X một chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1202 màu trắng, bàn phím màu đen. Đến khoảng chiều ngày 29/12/2017, X đi đến quán tạp hóa Tình A của chị Đinh Thị A

(sinh năm 1976) ở gần vòng xuyên xã L, huyện K mua một thẻ SIM của mạng viễn thông Viettel số 0869865501 để về lắp vào chiếc điện thoại T đưa cho. Trong khi mua sim, X hỏi chị A “O có mua thẻ điện thoại không?”, Chị A nói “Tau cũng bán”. X nói tiếp “Thẻ của em bán rẻ hơn để O nạp vào máy”, Chị A hỏi lại “Rẻ là bao nhiêu”, X nói “Một trăm bán bảy chục nghìn”, Chị A nói tiếp “Thẻ ở mô ra, hay về lấy của bố mẹ đến bán cho tau đơ”, X đáp “Thẻ ni em tự làm được”. Nói xong X xin số điện thoại của chị A với mục đích sau này nếu lừa được thẻ điện thoại sẽ liên hệ để bán thẻ.

Đến khoảng 08h giờ ngày 02/01/2018, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jupiter mang BKS 38K1-148.24 của ông Trần Văn C (sinh năm 1972, là bố đẻ của T) đến nhà X và chở X xuống nhà chị N chơi. Khi đến T nằm ở võng, X nằm trên giường ở phòng ngoài ngủ và cắm sạc điện thoại sát đầu giường. Một lát sau thì Nguyễn Văn Z (sinh năm 1995) và Dương Tấn S (Sinh năm 1997) đều trú tại xã T, đến nhà chị N chơi. Khi X đang nằm ngủ, T đi vào lấy chiếc điện thoại Nokia 1202 có gắn SIM số 0869865501 đi xuống nhà bếp của chị N, rồi dùng điện thoại có gắn SIM số 0869865501, bấm gọi ngẫu nhiên nhiều số của nhà mạng Viettel, nhằm nếu ai nghe máy sẽ lừa chiếm đoạt thẻ điện thoại. T gọi nhiều số nhưng không được, sau đó khi gọi điện đến số 01667540079 là số thuê bao của chị Lê Thị B (sinh năm 1982, trú tại xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn) thì chị B nghe máy. T nói với chị B bằng giọng phổ thông “Chào chị! Tôi là trưởng phòng công ty viễn thông quân đội Viettel thông báo số thuê bao của quý khách đã trúng thưởng một trăm ba mươi bảy triệu đồng gồm một xe máy Nouvo LX trị giá 37.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền mặt. Yêu cầu chị cung cấp thông tin và nộp phí làm thủ tục nhận thưởng bằng cách nộp thẻ cào Viettel”. Tin tưởng lời nói của T là thật, chị B giới thiệu đầy đủ họ tên, địa chỉ cho T. Sau khi nghe xong, T yêu cầu chị B nộp trước cho T 1.100.000 đồng để làm thủ tục nhận thưởng bằng cách đi mua thẻ cào Viettel đọc mã số thẻ cho T. Khi T nói xong, chị B liền đi mua 1.100.000đ tiền thẻ cào Viettel mệnh giá các thẻ 200.000 đồng và 100.000 đồng, khoảng 30 phút sau chị B gọi lại cho T vào số 0869865501 đọc các mã thẻ cào cùng số seri cho T. T để điện thoại gần tai vừa nghe, vừa bấm lưu các mã thẻ điện thoại ở trên vào mục tin nhắn văn bản của chiếc điện thoại T dùng để liên lạc. Sau đó T bảo chị B tắt máy rồi hẹn chị B chờ T gọi lại và đọc mã giao dịch để nhận thưởng. Nói xong T tắt máy ngồi chơi game một mình, lúc này khoảng 09h sáng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T gọi điện lại cho chị B, khi chị B nghe máy, T nói chị B lấy giấy bút ra ghi lại các mã giao dịch để nhận thưởng, chị B ghi lại các mã số đó gồm các mã MK1: 2083052; MK2: 6166621; MK3: 7961578; MK4: 7546486; MK5: 8620271; MK6: 7961573; MK7: 0841738; MK8: 5816428; MK9: 4374825; MK10: 1974209. Sau khi đọc cho chị B ghi lại các mã giao dịch do T tự bịa đặt ra để lấy

lòng tin nơi chị B, T tiếp tục yêu cầu chị B chuyển thêm 3.100.000đ tiền thẻ là phí để chuyển quà, đồng thời thông báo khoảng 16 giờ chiều cùng ngày quà sẽ được nhân viên đưa đến tận nhà. T yêu cầu chị B mua thẻ cào Viettel 500.000 đồng, chị B đồng ý, T bảo chị B giữ máy như vậy không tắt máy để đi mua thẻ luôn. Trong thời gian chờ chị B mua thẻ, T ngồi chơi game trên điện thoại và để ý điện thoại đang gọi xem có tín hiệu trả lời của chị B không. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, chị B đọc các mã thẻ cào cùng số seri cho T. T vừa nghe vừa lưu các mã thẻ cào này vào phần tin nhắn như lần trước và nói với chị B: “*Tí nữa nhân viên sẽ gọi về cho chị*” rồi T tắt máy. Sau đó T lên trên nhà ngoài thấy X đang ngủ, T gọi X dậy và nói “*Tau mới lừa được cái số của chị Lạng Sơn với số tiền 4.200.000 đồng trên thẻ điện thoại*”, T bảo X đọc số điện thoại để nhấc sang cho thẻ 200.000 đồng vào số 0978966547, sau khi nhấc cho X mã số thẻ 200.000 đồng và nộp vào máy điện thoại cảm ứng 900.000 đồng tiền thẻ điện thoại vào tài khoản game để chơi game, rồi T trả lại điện thoại Nokia 1202 cho X và bảo các thẻ vừa lừa được T để trong tin nhắn điện thoại này, có số đuôi 079 trong nhật ký cuộc gọi là số T lừa, rồi bảo X “*Mi mắn số ni cây*” và T nói tiếp “*Chị này ở Lạng Sơn*”. Sau khi X cầm điện thoại thì T lên giường nằm chơi game, còn X khi được T trao đổi, X sử dụng máy điện thoại của T đưa gọi tới số thuê bao 01667540079 của chị B và giới thiệu “*Em là Trần Mạnh Tùng nhân viên Chi cục thuế tỉnh Lạng Sơn gọi điện thông báo cho chị là chị phải đóng thuế để làm thủ tục nhận thưởng*”. Tin những lời X nói là sự thật nên khi X yêu cầu cung cấp thông tin và phải nộp 7.500.000 đồng tiền thuế bằng cách nộp các thẻ cào Viettel để làm thủ tục nhận thưởng thì chị B đồng ý. X yêu cầu chị B mua thẻ 500.000 đồng và nói “*nếu có thẻ mệnh giá càng cao thì càng nhanh*”. Khoảng 14h30' cùng ngày, chị B đi mua, nhưng chỉ có 06 thẻ mệnh giá 500.000 đồng, sau đó chị B đi về nhà đọc lại số thẻ cào và số siri 06 thẻ cào cho X, X nghe và lưu lại mã số thẻ, mã siri vào phần tin nhắn của máy. Chị B nói với X không có thẻ cào 500.000 đồng, thì X nói lại “*Thẻ 100.000 đồng, 200.000 đồng cũng được*”, chị B đồng ý và tiếp tục đi mua thẻ cào điện thoại. X chờ hồi lâu không thấy chị B gọi lại, nên dùng số thuê bao 0869865501 gọi điện cho chị B, nhưng chị B không nghe máy. Tiếp đó X lấy điện thoại Nokia 1280 có gắn SIM số 0869256421 của Nguyễn Văn Z (sinh năm 1995, trú tại xóm 2, xã T) và điện thoại Nokia 1280 có gắn SIM số 01667495137 của chị N gọi cho chị B, nhưng chị B cũng không nghe máy. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, chị B gọi điện lại vào số thuê bao 01667495137 của chị N thì X nghe máy, chị B thông báo với X đã mua được thẻ và đọc cho X các mã số thẻ có tổng trị giá 2.600.000đ. X tiếp tục lưu các mã thẻ này vào phần tin nhắn của điện thoại rồi nói “*Chị không cần mua thẻ nữa, 11 giờ trưa mai giải thưởng sẽ được chuyển về*” sau đó X tắt máy.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, X sử dụng số điện thoại 0869865501 gọi điện tới số 01692702735 cho chị Đinh Thị A để bán các thẻ lừa được. Khi chị A nghe máy, X nói “*Cháu ở trên xã T, Cháu có mấy cái thẻ O có mua không?*”, Chị A trả lời “*Có*”. X nói “*Để cháu gửi tin nhắn cho*” rồi X tắt máy và nhắn cho chị A 8.700.000 đồng tiền thẻ cào lừa được cho chị A. Sau khi nhắn xong, X gọi điện lại cho chị A nói “*Tất cả là 8.700.000 đồng, bán cho O sáu triệu*”. Chị A đồng ý rồi tắt máy. Sau khi được X nhắn thẻ, chị A đã nạp tất cả các thẻ đó vào điện thoại của chị và đầu tivi K+ của gia đình. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày T điều khiển xe JUPITER mang BKS 38K1-148.24 chở X đến khu vực vòng xuyên xã L, T ở ngoài chờ còn X một mình đi bộ lại quán của chị A để lấy tiền. Tại đây chị A đưa cho X 6.000.000đ. Sau đó X cùng T đi về. Đến trưa ngày 03/01/2018, X và T bị Cơ quan Công an huyện Kỳ Anh bắt giữ về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên đã giao nộp toàn bộ số tiền trên cho Cơ quan điều tra.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT- VKSKA ngày 11 tháng 9 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh đã truy tố bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn X về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn T từ 12 đến 15 tháng tù. Tổng hợp 18 (Mười tám) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” của bản án số 13/2018/HSST ngày 30/5/3018 của Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Buộc Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 30 đến 33 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn X từ 15 đến 18 tháng tù. Tổng hợp 24(Hai bốn) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” của bản án số 13/2018/HSST ngày 30/5/3018 của Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Buộc Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 39 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2018.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự , điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202 màu trắng đen, số IMEI 351550/05/114689/1, có gắn SIM số 0869865501.

Tịch thu tiêu huỷ 04 (bốn) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 50.000đ đã cào; 55 (năm mươi lăm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 100.000đ đã cào; 05 (năm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 200.000đ đã cào (các thẻ cào đã được sử dụng); 01(một) tờ giấy có ghi các ký tự và chữ ký của chị Lê Thị B.

Trả lại cho chị Lê Thị B 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584,585,586,587 và 589 Bộ luật dân sự. Trần T Anh và Nguyễn Văn X phải liên đới bồi thường cho chị Lê Thị B số tiền 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm ngàn đồng) .

Quy kỹ phần như sau:

Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị B 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền 6000.000 đồng mà các bị cáo đã giao nộp tại cơ quan điều tra, nay Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị B số tiền còn thiếu là 1.900.000đ (Một triệu chín trăm ngàn đồng).

Chị Lê Thị B được nhận ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), được nhận ở Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo 1.900.000 đ(Một triệu chín trăm ngàn đồng)

Các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn X không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát, lời nói sau cùng của các bị cáo là đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa

phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng tiêu xài cá nhân, nên Trần Văn T bàn với Nguyễn Văn X mua sim điện thoại bỏ vào máy điện thoại để gọi điện số bất kỳ. Ngày 02/01/2018 tại nhà chị Vũ Thị N, trú tại xã T, huyện K, lợi dụng lòng tin của chị Lê Thị B (sinh năm 1982, trú tại xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn) T và X, đã có hành vi dùng điện thoại gọi chị B đóng giả nhân viên Bưu Điện Viettel và cán bộ Thuế lừa chị trúng thưởng bằng xe mô tô và tiền mặt. Nhưng trước khi nhận giải chị B phải mua thẻ điện thoại đóng nộp lệ phí và thuế để nhận thưởng với số tiền 9.800.000 đồng.

Hành vi của Trần Văn T và Nguyễn Văn X cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự .

Hội đồng xét xử chấp nhận những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên và lời trình bày, đề nghị của các bị cáo.

[3]. Tích chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Trần Văn T và Nguyễn Văn X là những đối tượng không có nghề nghiệp ổn định có lối sống buông thả, ăn chơi, không chịu khó làm ăn. Hiện nay T và X đang thi hành án phạt tù tại trại giam Nghĩa An, Cam Chính, Cam Lộ, Quảng Trị, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh xử phạt theo Bản án số 30/2019/HSST ngày 30/5/2018. Ngoài ra đối với X đã từng bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội mới. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường kỷ X pháp luật Nhà nước, các bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn làm mất trật tự, trị an trên địa bàn khu dân cư. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Vụ án có tính chất đồng phạm giải đơn. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự phân công cụ thể rõ ràng mà chỉ thực hiện theo sự chuẩn bị của từng cá nhân. Trong vụ án này T là người khởi xướng và cùng với X thực hiện tích cực.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nguyễn Văn X phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về giảm nhẹ: Các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn X được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo, nhưng dù xem xét đến đâu thì cũng cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định

Cũng cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với Trần Văn T và Nguyễn Văn X .

[4]. Đối với hành vi của Đinh Thị A, Vũ Thị N, Nguyễn Văn Z, Trần Văn C:

Đối với Đinh Thị A, người đã mua số thẻ cào Viettel trị giá 8.700.000 của X và T lừa được của chị B. Tuy nhiên trong quá trình mua thẻ chị A không biết số thẻ cào có do X lừa đảo mà có nên không đủ căn cứ để xử lý đối với chị A.

Đối với chị Vũ Thị N chủ nhà, quá trình T và X lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Chị B, chị N không biết và cũng không có lợi nhuận gì từ việc T và X lừa đảo. Chị N là người sử hữu chiếc điện thoại di động Nokia màu tím có gắn sim số 01667.495.137 mà X đã sử dụng để gọi vào số thuê bao của chị B. Tuy nhiên, thời điểm X sử dụng điện thoại của chị N, để gọi điện cho chị B thì chị N không biết. Nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn Z, khi X lấy điện thoại Nokia 1280 có gắn SIM số 0869256421 của Z để gọi cho chị B, nhưng không gọi được. Khi X sử dụng điện thoại của Z, thì Z không biết và cũng không cho X mượn điện thoại nên không có căn cứ để xử lý Z.

Ngoài ra ông Trần Văn C là bố đẻ của Trần Văn T, chủ sở hữu chiếc xe máy Jupiter mang BKS 38K1-148.24, khi cho T mượn xe, ông C không biết mục đích của T là để đi tiêu thụ số thẻ sim đã lừa được nên không có căn cứ để xử lý.

[5]. Vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Anh đã thu giữ trả lại cho chủ sở hữu: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER màu đen-đỏ, mang BKS 38K1-148.24, xe đã qua sử dụng (trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Văn C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu đen, viền màu xanh, số IMEI 99514, có gắn SIM số 01667540079, máy đã qua sử dụng (trả lại cho chủ sở hữu là chị Lê Thị B); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu tím, số IMEI 351949/05/377219/3, có gắn SIM số 01667495137, máy đã qua sử dụng (trả lại cho chủ sở hữu là chị Vũ Thị N);

Hiện nay còn lại các vật chứng sau: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202 màu trắng đen, số IMEI 351550/05/114689/1, có gắn SIM số 0869865501 (đã qua sử dụng); 04 (bốn) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 50.000đ đã cào; 55 (năm mươi lăm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 100.000đ đã cào; 05 (năm) thẻ cào của nhà mạng Viettel

phát hành, loại mệnh giá 200.000đ đã cào (các thẻ cào đã được sử dụng); 01(một) tờ giấy có ghi các ký tự và chữ ký của chị Lê Thị B; 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền mặt, đã gửi vào tại Kho bạc nhà nước huyện Kỳ Anh.

Hội đồng xét xử xét thấy 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202 màu trắng đen, số IMEI 351550/05/114689/1, có gắn SIM số 0869865501 là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo; 04 (bốn) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 50.000đ đã cào; 55 (năm mươi lăm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 100.000đ đã cào; 05 (năm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 200.000đ đã cào (các thẻ cào đã được sử dụng); 01(một) tờ giấy có ghi các ký tự và chữ ký của chị Lê Thị B hiện nay không còn giá trị sử dụng; 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền mặt, đã gửi vào tại Kho bạc nhà nước huyện Kỳ Anh số tiền này do các bị cáo lừa của người bị hại mà có.

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự , điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 cần tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202 màu trắng đen, số IMEI 351550/05/114689/1, có gắn SIM số 0869865501.

Tịch thu tiêu huỷ 04 (bốn) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 50.000đ đã cào; 55 (năm mươi lăm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 100.000đ đã cào; 05 (năm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 200.000đ đã cào (các thẻ cào đã được sử dụng); 01(một) tờ giấy có ghi các ký tự và chữ ký của chị Lê Thị B.

Trả lại cho chị Lê Thị B 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Hiện nay chị Lê Thị B yêu cầu Trần Văn T và Nguyễn Văn X phải trả lại cho chị số tiền 9.800.000 đồng đã chiếm đoạt của. Tại phiên tòa hôm nay bị các bị nhất trí bồi thường cho những người bị hại số tiền 9.800.000 đồng như người bị hại yêu cầu. Vì vậy cần áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584,585,586,587 và 589 Bộ luật dân sự. Trần Văn T, Nguyễn Văn X phải liên đới bồi thường cho chị Lê Thị B 9.800.000 đồng.

Quy kỹ phần như sau:

Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị B 4.900.000 đồng, nhưng được khấu trừ 6000.000 đồng mà các bị cáo đã giao nộp tại cơ quan điều tra, nay Trần Văn Tuấn và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị B số tiền còn thiếu là 1.900.000 đồng.

Chị Lê Thị B được nhận ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh 6.000.000 đồng, được nhận ở Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo 1.900.000 đồng.

chị[7]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

a, Tuyên bố bị cáo: Trần Văn T, Nguyễn Văn X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bản án số 13/2018/HSST ngày 30/5/3018 của Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Buộc Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn X 15 (Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp 24(Hai bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bản án số 13/2018/HSST ngày 30/5/3018 của Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Buộc Nguyễn Văn X phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 03 (Ba) Tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2018.

b, Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự , điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202 màu trắng đen, số IMEI 351550/05/114689/1, có gắn SIM số 0869865501.

Tịch thu tiêu huỷ 04 (bốn) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 50.000đ đã cào; 55 (năm mươi lăm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 100.000đ đã cào; 05 (năm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 200.000đ đã cào (các thẻ cào đã được sử dụng); 01(một) tờ giấy có ghi các ký tự và chữ ký của chị Lê Thị B.

Trả lại cho chị Lê Thị B 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)

c. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584,585,586,587 và 589 Bộ luật dân sự. Trần T Anh và Nguyễn Văn X phải liên đới bồi thường cho chị Lê Thị B số tiền 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm ngàn đồng) .

Quy kỹ phần như sau:

Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị B 4.900.000đ (*Bốn triệu chín trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ số tiền 6000.000 đồng mà các bị cáo đã giao nộp tại cơ quan điều tra, nay Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị B số tiền còn thiếu là 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm ngàn đồng*).

Chị Lê Thị B được nhận ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), được nhận ở Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo 1.900.000 đ(*Một triệu chín trăm ngàn đồng*)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án. Trường hợp Trần Văn T và Nguyễn Văn X chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê Thị B thì phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

c, Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử buộc Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

d,Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- Phòng PC81;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam;
- CA huyện Kỳ Anh;
- VKSND huyện Kỳ Anh;
- THA dân sự;
- THA hình sự;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Kỳ Anh, ngày 08 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Z

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhung

2. Ông Nguyễn Văn Thiềm

Căn cứ vào Điều 299, 326 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Vào hồi giờ 16 phút 30 ngày 08/11/2018, tại phòng nghị án. Hội đồng xét xử tiến hành nghị án vụ án: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” . Đối với bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn X.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết vụ án như sau:

1. Về tội danh: Xét xử Trần Văn T và Nguyễn Văn X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Biểu quyết 3/3

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp 18 (Mười tám) tháng tù của bản án số 13/2018/HSST ngày 30/5/3018 của Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Buộc Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn X 15 (Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp 24(Hai bốn) tháng tù của bản án số 13/2018/HSST ngày 30/5/3018 của Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Buộc Nguyễn Văn X phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 03 (Ba) Tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2018.

Biểu quyết 3/3

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự , điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202 màu trắng đen, số IMEI 351550/05/114689/1, có gắn SIM số 0869865501.

Tịch thu tiêu huỷ 04 (bốn) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 50.000đ đã cào; 55 (năm mươi lăm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát

hành, loại mệnh giá 100.000đ đã cào; 05 (năm) thẻ cào của nhà mạng Viettel phát hành, loại mệnh giá 200.000đ đã cào (các thẻ cào đã được sử dụng); 01(một) tờ giấy có ghi các ký tự và chữ ký của chị Lê Thị B.

Trả lại cho chị Lê Thị B 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)

Biểu quyết 3/3

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự. Trần T Anh và Nguyễn Văn X phải liên đới bồi thường cho chị Lê Thị B số tiền 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm ngàn đồng) .

Quy kỹ phần như sau:

Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị B 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền 6000.000 đồng mà các bị cáo đã giao nộp tại cơ quan điều tra, nay Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị B số tiền còn thiếu là 1.900.000đ (Một triệu chín trăm ngàn đồng).

Chị Lê Thị B được nhận ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), được nhận ở Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo 1.900.000 đ(Một triệu chín trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án. Trường hợp Trần Văn T và Nguyễn Văn X chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê Thị B thì phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Biểu quyết 3/3

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử buộc Trần Văn T và Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

Biểu quyết 3/3

Biên bản lập xong đã được đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây:

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

